

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: **19/2018/HSST**

Ngày 19-3-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di
2. Ông Trương Tấn Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ, Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2018/TLST-HS, ngày 28 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn A, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1999 tại huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú: thôn VH, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn B và bà Lục Thị C; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại bản án hình sự sơ thẩm số: 97/2016/HSST, ngày 27 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xử phạt Nguyễn Văn A 06 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án, chấp hành xong thời gian thử thách ngày 17 tháng 9 năm 2017; ngày 29 tháng 11 năm 2017 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hảo ra Quyết định số 159/QĐ-UBND quyết định áp dụng

biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Nguyễn Văn A thời hạn 6 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tại ngoại; có mặt.

2. Lê Văn D, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1998 tại huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú: thôn VH, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn E và bà Đặng Thị Kim F; vợ: Thạch Thị Mỹ G, con có 1 người sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại; có mặt.

- *Người bị hại*: Chu Văn H, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn VH, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị I, sinh năm 1957; nơi cư trú: thôn VH, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

2. Trịnh Quan K, sinh năm 1985 nơi cư trú: thôn VT, xã L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

3. Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn VT, xã L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

- *Người làm chứng*: Nguyễn Hữu N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 26/4/2016, Lê Văn D và Nguyễn Văn A, rủ nhau đi tìm tài sản để trộm cắp. A và D đi đến thôn VH, xã V, huyện T thì nhìn thấy nhà Chu Văn H không có người trông coi. D và A chui vào bên trong hàng rào, thấy cửa nhà không khóa, D và A mở cửa đi vào trong nhà của H. A lấy 01 máy khoan hiệu Ktomer trong nhà bếp, đem ra để ở cửa sau; D lấy 01 máy tính Laptop hiệu Sony Vaio ở trong phòng đem ra ngoài; rồi A và D tiếp tục lục soát tủ quần áo, phòng ngủ, nhưng không tìm thấy tài sản gì khác. Sau đó, D cầm máy khoan và 01 Laptop; còn A tiếp tục vào chuồng gà bắt được 03 con gà (không rõ loại gà gì), rồi A và D mang máy khoan và Laptop cất giấu tại bụi cây cách nhà H khoảng 200m. A đem 03 con gà đi bán cho Nguyễn Thị I được 320.000 đồng. D đi mượn được xe mô tô đến chở A đi đến bụi cây lấy 01 máy khoan và 01 Laptop mang đi bán. A và D bán 01 máy khoan cho Nguyễn Ngọc M được 200.000 đồng.

Đến ngày 27/4/2016, A nhờ bạn là Nguyễn Văn S tìm người bán dùm máy laptop, S đồng ý. Sau đó, S dẫn Trịnh Quan K đến gặp D và A, rồi K đồng ý mua Laptop giá 1.000.000 đồng. A và D đã bán các tài sản trộm cắp được với tổng số tiền là 1.520.000 đồng, cùng nhau tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, Chu Văn H trình báo chính quyền địa phương. Sau đó, Công an xã Vĩnh Tân thu hồi được các tài sản trên gồm: 01 Laptop và 01 máy khoan. Riêng 03 con gà không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐDG ngày 16/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự. UBND huyện Tuy Phong kết luận: Đối với 01 laptop hiệu Sony Vaio loại PCG-61411L: 8.000.000 đồng/chiếc x 50% = 4.000.000 đồng; Đối với 01 máy khoan hiệu Ktomer: 750.000 đồng/cái x 50% = 375.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá: 4.375.000 đồng.

Riêng 03 con gà do không thu hồi được, không xác định trọng lượng và giống gà thịt, nên không kết luận được giá trị.

Tại bản cáo trạng số: 13/QĐ/KSĐT/VKS-HS, ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn A và Lê Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kiểm sát viên đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 69; khoản 1 Điều 74; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; khoản 1 Điều 74; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, Kiểm sát viên; trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Về hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn A và Lê Văn D: các bị cáo Nguyễn Văn A và Lê Văn D là người nhận thức được hành vi của mình, nhưng với bản tính tham lam, muốn có tiền mà không do sức lao động làm ra nên bị cáo đã nghĩ đến việc chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài, bị cáo đã lựa chọn cách thức chiếm đoạt là xem ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì bị cáo lén lút chiếm đoạt nên khoảng 10 giờ ngày 26/4/2016, bị cáo A rủ bị cáo D đi tìm tài sản để trộm cắp. Các bị cáo đi đến thôn VH, xã V, huyện T thì nhìn thấy nhà Chu Văn H không có người trông coi. Các bị cáo chui vào bên trong hàng rào, thấy cửa nhà không khóa, các bị cáo mở cửa đi vào trong nhà của H. Bị cáo A lấy 01 máy khoan hiệu Ktomer trị giá 375.000 đồng trong nhà bếp, đem ra để ở cửa sau; bị cáo D lấy 01 máy tính Laptop hiệu Sony Vaio trị giá 4.000.000 đồng ở trong phòng đem ra ngoài; rồi các bị cáo A và D tiếp tục lục soát tủ quần áo, phòng ngủ, nhưng không tìm thấy tài sản gì khác. Sau đó, bị cáo D cầm máy khoan và 01 Laptop; còn bị cáo A tiếp tục vào chuồng gà bắt được 03 con gà rồi đem tài sản đi tiêu thụ. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt được là 4.375.000 đồng. Hành vi đó của các bị cáo Nguyễn Văn A và Lê Văn D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và nhân thân tốt là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước chúng ta.

Khi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn A được 16 tuổi 10 tháng 16 ngày và bị cáo Lê Văn D được 17 tuổi 10 tháng 25 ngày, nên căn cứ vào Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, để lượng mức hình phạt cho các bị cáo.

Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: các bị cáo cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự phân công câu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn, bị cáo A là người rủ rê nên tính chất hành vi nghiêm trọng hơn bị cáo D. Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm hại tài sản của công dân, thực hiện hành vi táo bạo nên phải xử lý các bị cáo nghiêm khắc bằng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Đồng thời qua đó nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với Nguyễn Thị I, Nguyễn Ngọc M, Trịnh Quan K và Nguyễn Văn S không biết tài sản do các bị cáo A và D trộm cắp mà có, nên không xử lý là phù hợp.

Về phần dân sự: người bị hại Chu Văn H đã được nhận lại 01 Laptop hiệu Sony Vaio và 01 máy khoan hiệu Ktomer; ông H không yêu cầu gì đối với 3 con gà đã mất nên không xem xét.

Số tiền 1.520.000 đồng của các bị cáo thu được từ việc bán tài sản trộm cắp, ông M, ông K và ông H không yêu cầu các bị cáo phải trả lại nên đây là tiền có được do hành vi phạm tội mà có nên buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, chia phần cho mỗi bị cáo là 760.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 101; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 101; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: điểm b khoản Điều 47 Bộ luật hình sự 2015.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn A và Lê Văn D mỗi người nộp lại 760.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Các bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông M) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/3/2018). Người bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà I, ông K) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh BT;
- VKSND (Tỉnh + Huyện);
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- THA huyện;
- Lưu HS.

Hồ Hoàn Kiếm